CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Nagakawa

Ngày 30/09/2025	12,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.0%	**-5.9%**	**-0.2%**

DT thuần
Q3/25
552
tỷ VNĐ
QoQ: ▼348| -38.7%
YoY: ▲ 155| 39.0%

LN thuần
Q3/25
3.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.2| -78.6%
YoY: ▲ 1.17| 47.9%

LN sau thuế
Q3/25
4.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.22| -64.7%
YoY: ▲ 3.13| 232%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.5%
YoY: +/-▼ 0.5%

ROE (TTM)
Q3/25
7.0%
YoY: +/-▼ 0.9%

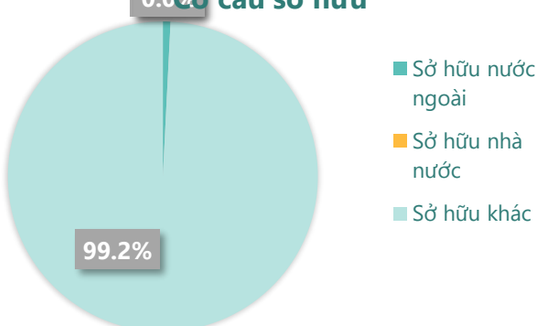
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,485 - 16,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	490
Số lượng CPLH (CP)	38,620,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	752,670
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.80
EPS	814
P/E	15.6

DT thuần
9T 2025
2,415
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 273| 12.8%

LN thuần
9T 2025
40.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.60| 26.9%

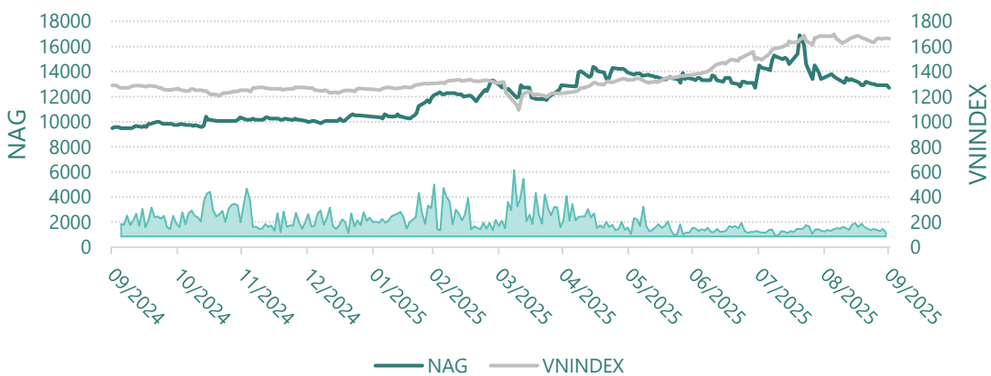
LN sau thuế
9T 2025
30.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.40| 21.4%

Cơ cấu sở hữu

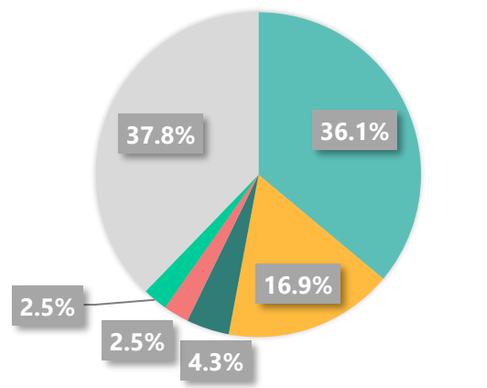


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



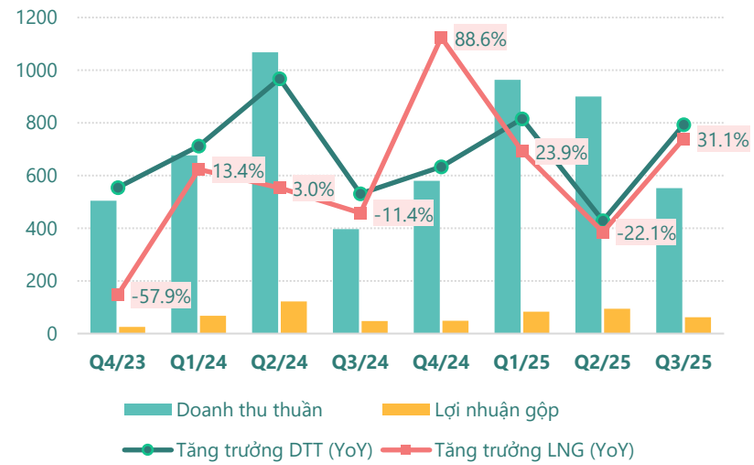
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

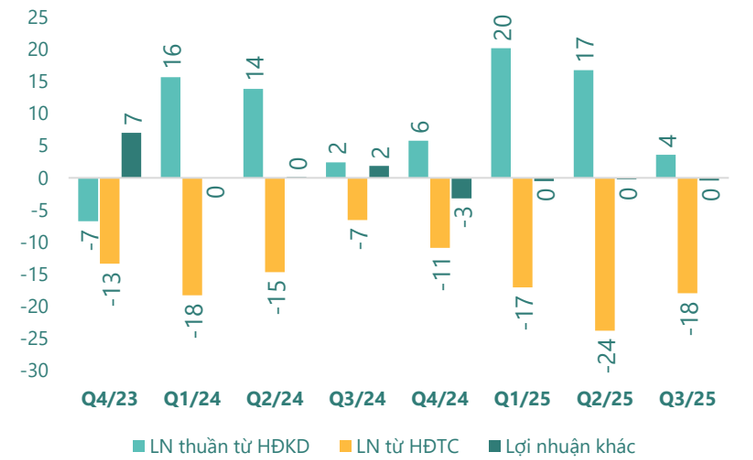
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



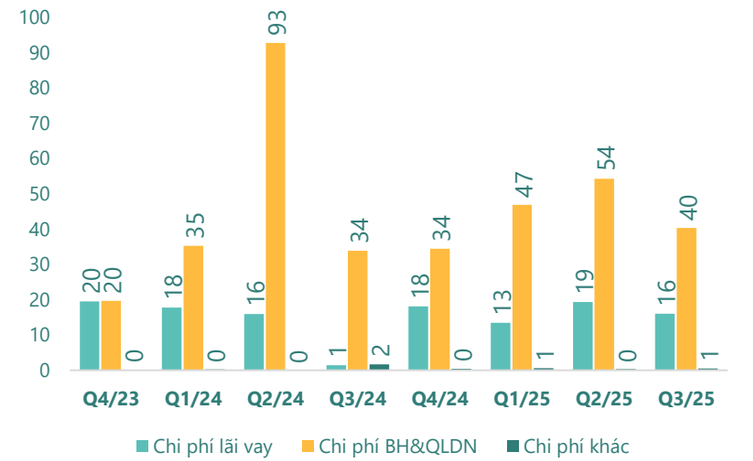
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



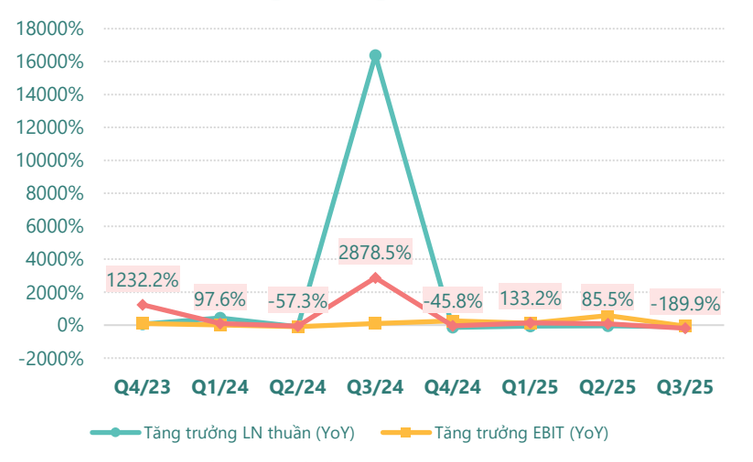
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



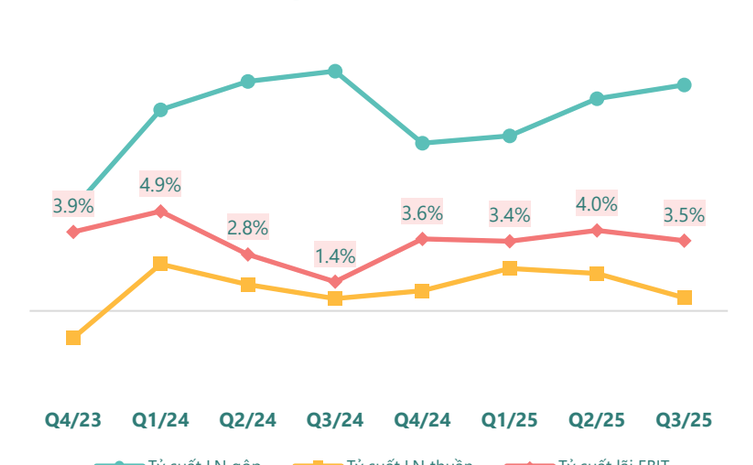
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



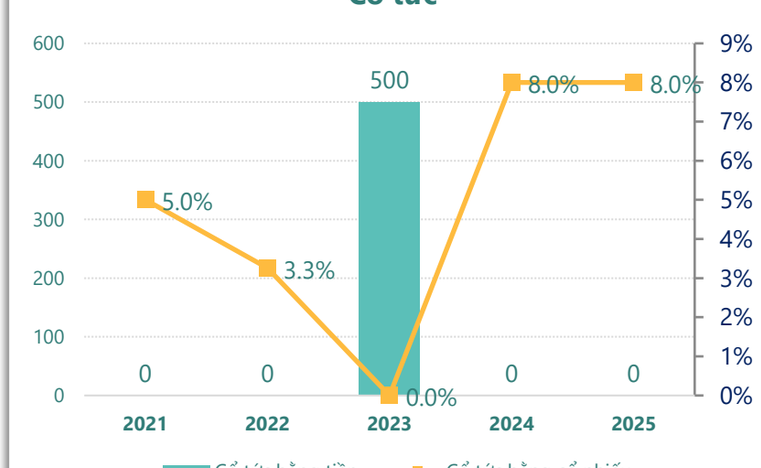
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

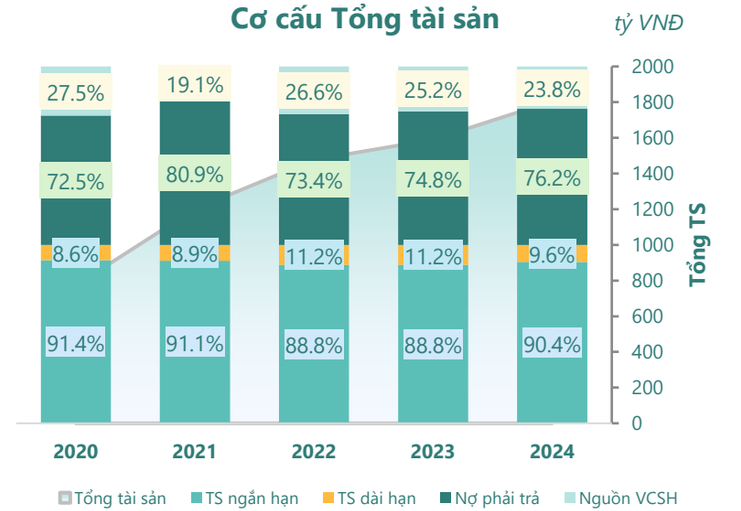
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

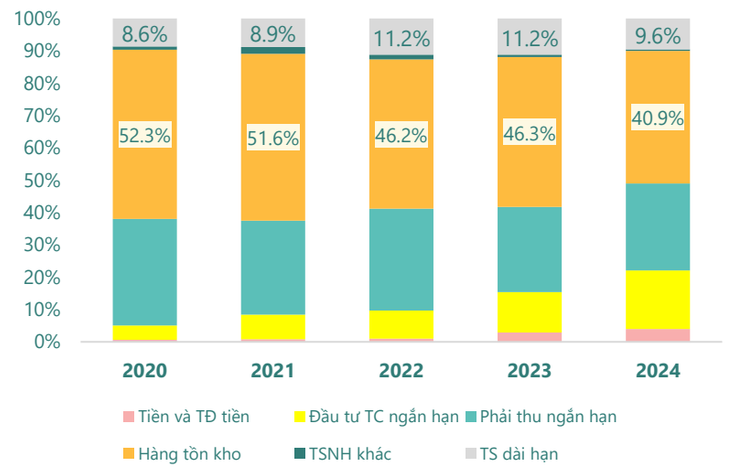
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



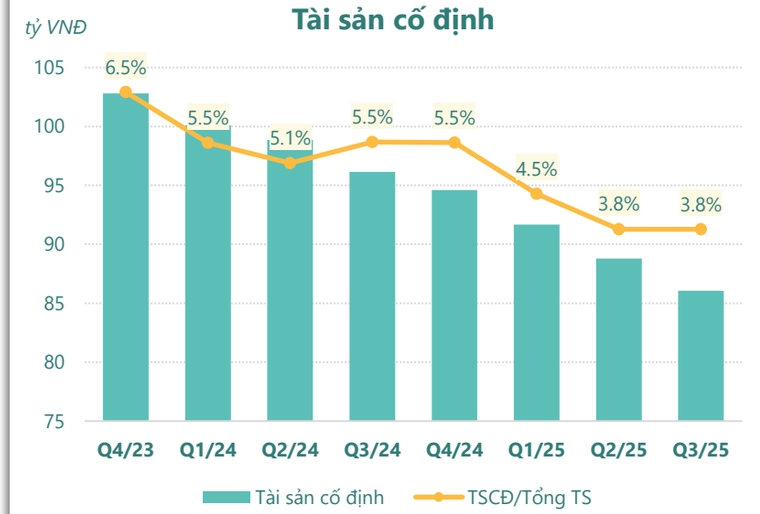
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



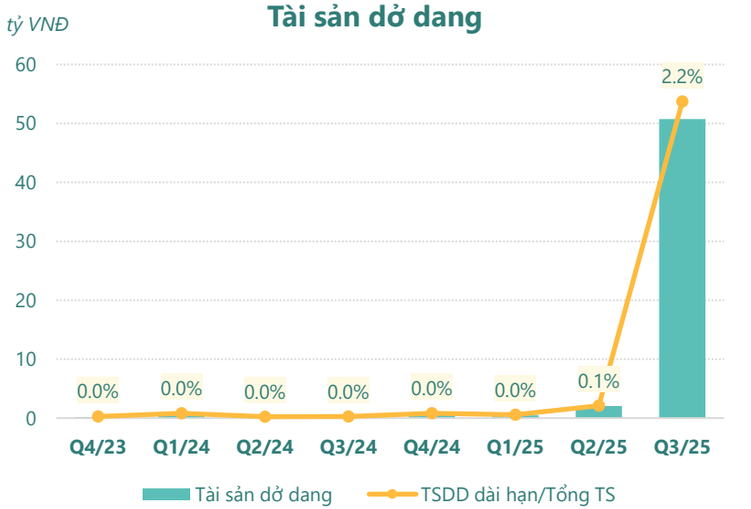
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



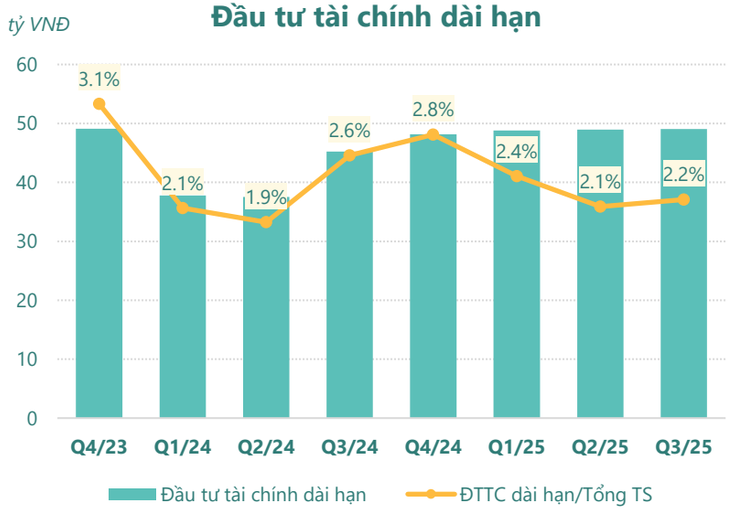
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



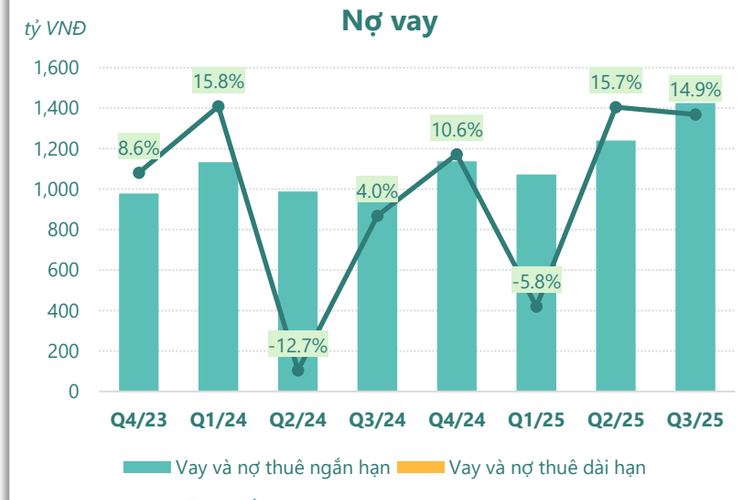
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

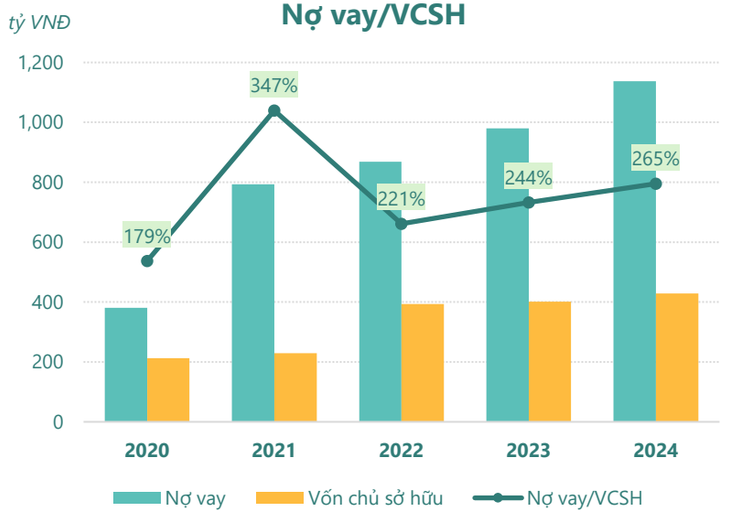
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

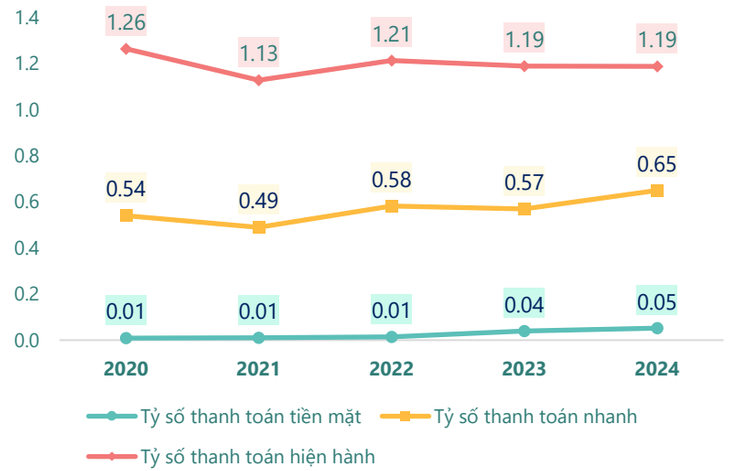
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



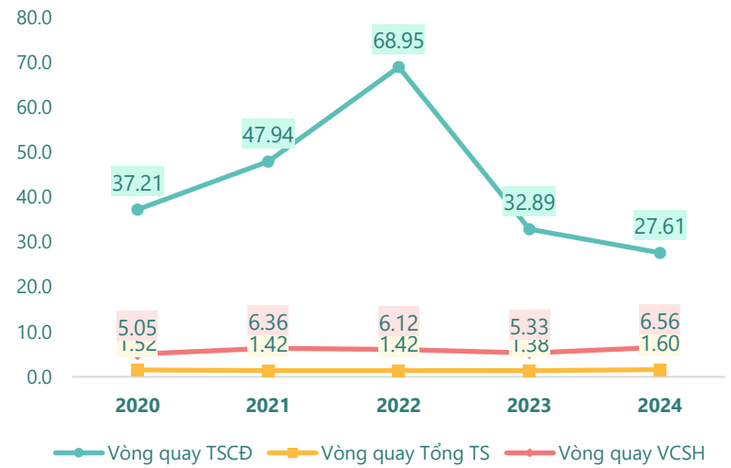
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



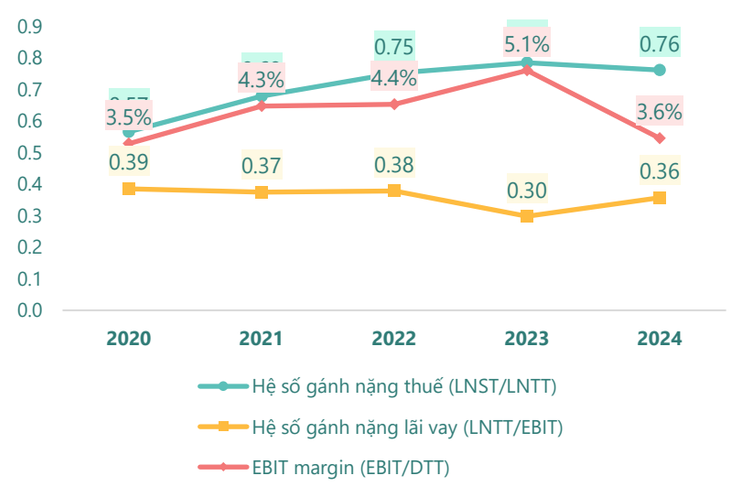
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



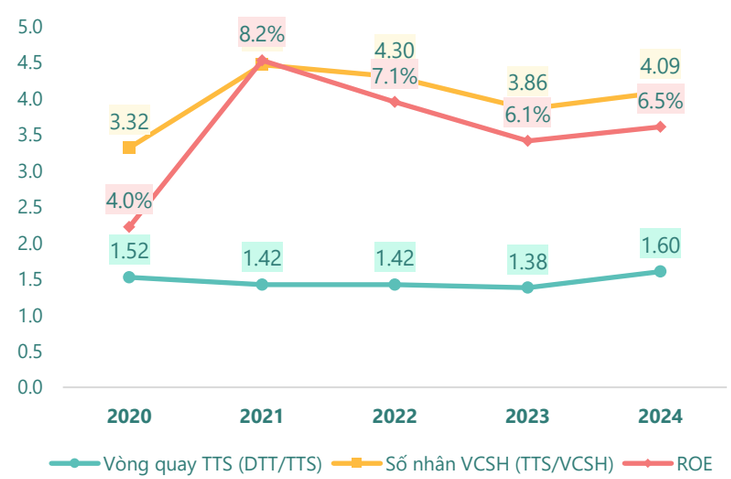
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



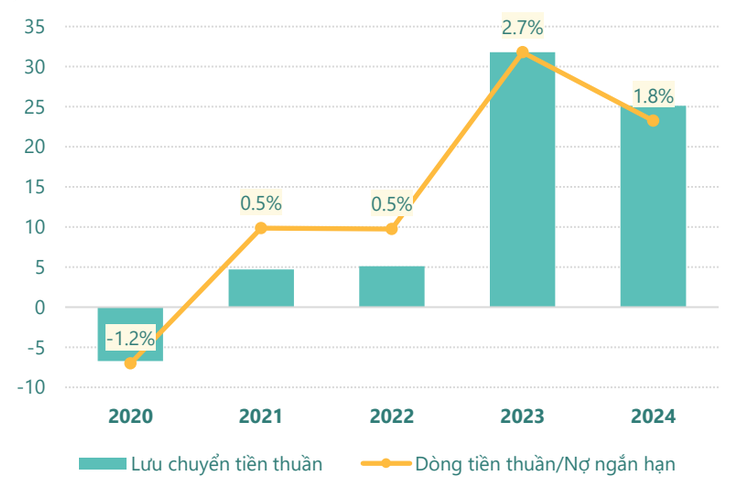
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**552**	**397**	**39.0%**	**2,415**	**2,142**	**12.8%**
Giá vốn hàng bán	490	350	40.0%	2,175	1,906	14.1%
Lợi nhuận gộp	61.9	47.2	31.1%	240	236	1.6%
Doanh thu HĐTC	1.63	9.18	-82.3%	8.27	19.4	-57.5%
Chi phí TC	19.6	15.8	24.3%	67.2	59.1	13.8%
Chi phí lãi vay	16.1	1.46	1000%	48.9	35.2	38.9%
LN trong công ty LKLD	**0.07**	**-4.31**	**102%**	**0.89**	**-2.67**	**133%**
Chi phí bán hàng	29.0	22.6	28.5%	108	127	-15.0%
Chi phí QLDN	**11.3**	**11.3**	**0.1%**	**33.6**	**35.0**	**-4.1%**
LN thuần từ HĐKD	3.60	2.43	47.9%	40.6	32.0	26.9%
Lợi nhuận khác	**-0.42**	**1.85**	**-123%**	**-1.15**	**1.89**	**-161%**
LN trước thuế	3.18	4.28	-25.7%	39.5	33.9	16.4%
Lợi nhuận sau thuế	**4.48**	**1.35**	**232%**	**30.9**	**25.5**	**21.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.80**	**3.27**	**-124%**	**29.6**	**25.9**	**14.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	196	-96.3	-14.6	81.7	-135	-103
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.7	-8.18	10.0	-1.90	22.9	-20.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-144	39.5	109	-50.2	177	195
Tiền đầu kỳ	64.9	102	36.5	71.6	101	167
Lưu chuyển tiền thuần	**36.6**	**-65.0**	**105**	**29.6**	**65.4**	**71.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	102	36.5	141	101	167	238

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,267**	**1,805**	**25.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,053	1,632	25.8%
Tiền và tương đương tiền	238	71.6	233%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	259	327	-20.6%
Phải thu ngắn hạn	617	486	26.9%
Hàng tồn kho	931	739	26.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.10	8.40	-15.5%
Tài sản dài hạn	**213**	**173**	**23.3%**
Phải thu dài hạn	2.39	2.17	10.3%
Tài sản cố định	86.1	94.4	-8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	50.7	0.19	26077%
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	48.1	1.8%
Tài sản dài hạn khác	**7.47**	**8.00**	**-6.6%**
Lợi thế thương mại	17.5	19.9	-12.3%
Nợ phải trả	1,791	1,376	30.2%
Nợ ngắn hạn	**1,789**	**1,375**	**30.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,425	1,137	25.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	309	182	69.7%
Nợ dài hạn	2.08	1.49	39.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**475**	**429**	**10.8%**
Vốn chủ sở hữu	**475**	**429**	**10.8%**
Vốn điều lệ	386	342	13.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)